TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-PT
Ngày: 14-02-2020
"V/v tranh chấp dân sự về yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp dân sự về yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 484/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 13/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1962 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T.N 1, xã T.C.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1957 (Có mặt);

2.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 (Có mặt);

2.3. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1981 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T.N 1, xã T.C.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng:

3.1. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1951 (Có mặt);

3.2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T.N 1, xã T.C.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Thái Minh T2, sinh năm 1963 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S.R, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L2 (Là các bị đơn trong vụ án).

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Vào lúc 18 giờ ngày 11/9/2018 chồng bà H là ông Nguyễn Văn T1 (là người coi trạm bơm điện của bà Tư D) nghe nói nhà ông Nguyễn Văn L1 mất trộm gà và có gài suỵt điện ở nhà ông L1 kế bên trạm bơm điện. Khi có người đến suỵt cá ở đường nước trạm bơm thì ông T1 nói "Ông L1 có gài suỵt điện đừng suỵt cá, điện giật chết", người suỵt cá nghe nói vậy rồi bỏ đi, lúc đó ông L1 và hai con ông là bà T, bà L2 nghe thấy và bà T chạy tới trước cửa nhà bà H (đường nước bà Tư D) lột hai chiếc dép đang mang đánh vào mặt ông T1 hai cái, đồng thời dùng miếng ván đánh tiếp nhiều cái vào phía sau cổ ông T1, làm ông T1 gục xuống. Lúc đó bà H trong nhà chạy ra la làng thì bị bà T dùng cây gỗ vuông đánh vào đầu mười mấy cái, ông L1 chạy tới dùng cây sắt đánh vào lưng bà H, còn bà L2 dùng 02 nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào lưng bà H làm bà H bất tỉnh. Lúc đó con bà H là ông Nguyễn Văn C cầm cây củi, mục đích để đánh cha con ông L1 giải vây cho bà H thì ông L1, bà T, bà L2 mới buông bà H và ông T1 ra.

Sau khi sự việc xảy ra, tối ngày 11-9-2018 bà H đến Trung tâm y tế huyện T chụp hình rồi về vào Trạm y tế xã T.C.C điều trị, qua vài ngày sau (ngày 14/9/018) bà H đến Trung tâm y tế huyện T nhập viện và điều trị 07 ngày. Do

vết thương quá nặng nên Trung tâm y tế huyện T chuyển bà H đến Bệnh viện đa khoa khu vực H điều trị tiếp đến ngày 27/9/2018 thì xuất viện.

Sau khi xuất viện do sức khỏe còn yếu, đầu còn đau nhức nên bà H tiếp tục đến Trạm y tế xã T.C.C điều trị 10 ngày và sau đó đến bác sĩ tư nhân ở thị trấn S.R điều trị 20 ngày.

Tại Giấy xác nhận ngày 17/9/2018 của Trạm y tế xã T.C.C chẩn đoán: Chấn thương vùng đầu, vết thương phần mềm (Bản tự khai do bị đánh).

Tại giấy ra viện của Bệnh viện đa khoa khu vực H ngày 27/9/2018 đã chẩn đoán: bà H tổn thương nông ở đầu, tổn thương khác tác động nhiều vùng cơ thể, không xếp loại nơi khác, T1 công bằng phương tiện khác. Thời gian điều trị tại bệnh viện đa khoa khu vực H từ ngày 21/9/2018 đến ngày 27/9/2018.

Khi công an xã T.C.C giải quyết phạt vi phạm hành chính đối với 03 cha con của ông L1. Bà H yêu cầu 03 cha con ông L1 bồi thường tiền thuốc 16.644.000 đồng thì 03 cha con ông L1 chỉ đồng ý bồi thường 1.800.000 đồng nên bà H không đồng ý vì chưa đủ chi phí điều trị. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L2 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 29.644.000 đồng (không yêu cầu xử lý hình sự) gồm các khoản:

- Chi phí điều trị là 6.944.000 đ.

- Tiền mất thu nhập: Người bệnh 150.000đ/ngày x 30 ngày = 4.500.000đ và người nuôi 250.000đ/ngày x 30 ngày = 7.500.000đ. Tổng cộng 12.000.000đ.

- Chi phí xe chuyển bệnh: 700.000đ (Tại phiên tòa bà H đã rút).

- Tiền tổn thất tinh thần: 10.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H còn yêu cầu tổng số tiền là 28.944.000đ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L1 tại cấp sơ thẩm trình bày:

Tối ngày 10/9/2018 gia đình ông L1 có mất 05 con gà, sáng ngày hôm sau (11/9/2018) ông L1 có nói chuyện việc mất mấy con gà cho bà Tư D (chủ đường nước, nơi ông T1 chồng bà H làm thuê). Chiều cùng ngày khoảng 18 giờ ông T1 đi nhậu về chửi ông L1, nhưng ông L1 ăn cơm phía sau nhà không nghe thấy. Khi ông L1 nghe ồn ào trước nhà chạy ra thấy ông T1 đang cầm xà beng đâm bà T, ông L1 hỏi tại sao đánh con tao thì ông T1 đem xà beng vô nhà rồi đem cây leng ra để xắn vào người ông L1 làm ông té xuống và giơ tay đở đứt hai ngón tay và trầy hai bên ba sườn nhưng ông L1 không nhập viện điều trị. Ông không

đánh bà H, cũng không bị Công an xử phạt vi phạm hành chính, nên không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà H.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị T tại cấp sơ thẩm trình bày:

Khoảng 18 giờ ngày 11/9/2018 bà T có nghe thấy ông T1 chửi ba của bà là ông L1 về việc mất trộm gà (chửi rất nhiều và dùng lời lẻ rất khó nghe), nên chạy qua đứng phía ngoài đường nhà ông T1 (nhà trạm bơm của bà Tư D) hỏi vì sao chửi ba bà, bộ có ăn trộm gà hay gì mà lên tiếng, rồi bà T có lấy chiếc dép đang mang đánh vào mặt ông T1 hai cái, lúc đó ông T1 chạy vào nhà lấy 02 cây xà beng ra đâm vào người bà T, khi nghe thấy cãi nhau ông L1 trong nhà chạy ra thì ông T1 đem bỏ cây xà beng vào nhà và rút cây leng ra xắn vào người ông L1, làm ông L1 bị té xuống và giơ tay đở lại thì bị đứt hai ngón tay, lúc này thì việc xô xát xảy ra giữa bà T với ông T1 và C (con ông T1 bà H), bà T có lấy hai cọng dừa đánh lại ông T1 chứ bà không có đánh bà H cái nào. Sau sự việc xảy ra thì Công an xã mời giải quyết, do bà thấy phải bị mời tới mời lui nhiều lần nên đồng ý trả tiền thuốc cho bà H, nhưng bà không đồng ý mà yêu cầu tới hơn 16 triệu, lần thứ hai thì bà H yêu cầu lên gần 20 triệu, nay đến Tòa thì bà H yêu cầu là 28.944.000 đồng, nên nay bà T không đồng ý bồi thường vì bà T không có đánh bà H.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L2 tại cấp sơ thẩm trình bày:

Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 11/9/2018 bà L2 có nghe cháu Nguyễn Phi H (con bà T) gọi điện kêu bà L2 xuống khi xảy ra mâu thuẫn với nhà ông T1 thì bà L2 chạy xuống đứng phía ngoài đường nhà ông T1 hỏi tại sao lại chửi ba bà là ông L1 thì ông T1 chửi cả bà và bà T, lúc đó ông C rút cây đánh lên đầu bà gãy cây làm hai thì bà L2 té xỉu, bà T nhào lại ôm bà L2 thì bị ông C dùng khúc cây bị gãy đánh vào người nhưng được ông L1 trong nhà đi ra đỡ thì bị ông T1 lấy leng xắn vào người ông L1, lúc này thì việc xô xát xảy ra giữa bà T với ông T1 và C, bà L2 không đánh ai cả, vì lúc này bà đã bị ông C đánh ngất xỉu, khi tỉnh dậy thì bà có dùng cọng dừa đánh lại nhưng không biết trúng ai và trúng ở vị trí nào. Sau sự việc xảy ra thì Công an xã mời giải quyết, do bà và bà T thấy phải bị mời tới lui nhiều lần nên đồng ý trả tiền thuốc cho bà H, nhưng bà H không đồng ý mà yêu cầu tới hơn 16 triệu, lần thứ hai thì bà H yêu cầu lên gần 20 triệu, nay đến Tòa thì bà H yêu cầu là 28.944.000 đồng, nên nay bà L2 không đồng ý bồi thường vì bà L2 không có đánh bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 229, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 590 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn bồi thường tiền xe chuyển viện là 700.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

- Buộc bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe cho bà Trần Thị H với số tiền là 6.024.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ trả nợ là 301.000 đồng.

+ Bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn L1 không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, các bị đơn Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị L2 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Ngày 27/9/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị một phần bản án sơ theo Quyết định kháng nghị số: 02/QĐ-VKS-DS ngày 27/9/2019, vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về nội dung giải quyết vụ án, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án, nội dung kháng nghị là đề nghị Tòa án Tỉnh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị L2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L2; Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐ-VKS-DS ngày 27/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T và buộc bà T, bà L2 bồi thường thêm về tổn thất tinh thần cho bà H theo quy định của pháp luật; Đề nghị Hội đồng xét xửa sửa một phần bản án theo hướng kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

- Tại phiên tòa ngày 14/02/2020, các đương sự có mặt tại phiên tòa. Riêng đối với người làm chứng là ông Thái Minh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2] Theo nội dung đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L2 không đồng ý bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà H, vì bà T và bà L2 cho rằng không có gây thương tích cho bà H.

[3] Theo nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị bản án sơ thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà T, bà L2 bồi thường về tổn thất tinh thần cho bà H là chưa phù hợp pháp luật, do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm và buộc bà T, bà L2 bồi thường thêm cho bà H một phần về tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật.

[4] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu trên của bà T, bà L2 là không có căn cứ nên không được chấp nhận; bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì bà T và bà L2 đều thừa nhận vào ngày 11/9/2018 có cầm cây tàu dừa đánh phía gia đình bà H, nhưng cho rằng không biết trúng ai. Điều đó cho thấy ngày xảy ra sự việc đánh nhau vào ngày 11/9/2018 giữa gia đình bà H với gia đình ông L1, bà T, bà L2 thì bà H bị thương tích theo giám định tỷ lệ thương tích là 2% là do bà T và bà L2 dùng cây tàu dừa đánh gây thương tích cho bà H. Đồng thời, tại biên bản làm việc của Công an xã T.C.C giải quyết thì bà T và bà L2 đồng ý bồi thường tiền thuốc cho bà H 1.800.000 đồng, nhưng bà H không đồng ý. Như vậy cho thấy bà T và bà L2 có đánh và gây thương tích cho bà H là đúng sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà T và bà L2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe theo chứng từ hợp lý cho bà H với số tiền số tiền 6.024.000 đồng theo như án sơ thẩm đã xét xử là hoàn Tàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

Cụ thể: tiền thuốc theo chứng từ là 1.944.000 đồng, tiền mất thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh là 4.080.000 đồng. Tổng cộng 1.944.000 đồng + là 4.080.000 đồng = 6.024.000 đồng.

[5] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐ-VKS-DS ngày 27/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T là không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Trong thời gian bà H điều trị thương tích cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà H không có chứng cứ gì để chứng minh là bà H có bị tổn thất về tinh thần. Do đó, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T và bà L2 là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị sửa bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên.

[7] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của bà T, bà L2 và không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử là hoàn Tàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Do bà T và bà L2 bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự và không được chấp nhận kháng cáo nên bà T và bà L2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Do tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên về lãi suất chậm thi hành án chưa đúng theo quy định của pháp luật nên phải sửa lại cách tuyên án cho đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị L2.

2. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường tiền xe chuyển viện là 700.000 đồng.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H.

6. Buộc bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà Trần Thị H số tiền là 6.024.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

7. Về án phí:

7.1. Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L2 phải liên đới chịu 301.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7.2. Bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn L1 không phải chịu tiền án phí.

7.3. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị T đã nộp theo biên lai số 0008320 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp (bà T đã nộp xong tiền án phí kháng cáo phúc thẩm).

7.4. Bà Nguyễn Thị L2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị T đã nộp theo biên lai số 0008321 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp (bà L2 đã nộp xong tiền án phí kháng cáo phúc thẩm).

8. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao